

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 26-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Trang

Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Đàm Văn H**, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1985 tại: Tràng Định, Lạng Sơn. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 7/12. Con ông: Đàm Ngọc T, sinh năm 1959. Con bà: Đoàn Thị C, sinh năm 1960. Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1992. Con: Hoàng Bảo C, sinh năm 2013. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ 3. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 21/01/2022 đến nay. Có mặt.

2. Bị cáo **Hoàng Văn T**, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1987 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Hoàng Văn S, sinh năm 1960. Con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1962. Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1988. Con: Hoàng Khánh L, sinh năm 2010; Hoàng Minh K, sinh năm 2019. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo

là thứ 3. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

3. Bị cáo **Hoàng Văn P**, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1975 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 02/12. Con ông: Hoàng Văn P, sinh năm 1944. Con bà: Hoàng Thị C, sinh năm 1942. Vợ: Luân Thị X, sinh năm 1975. Con: lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001. Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là thứ 04. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

4. Bị cáo **Luân Văn C**, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1983 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đã đình chỉ sinh hoạt). Trình độ văn hóa: 5/12. Con ông: Luân Văn H, sinh năm 1963. Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1961. Vợ: Lý Thị M, sinh năm 1984. Con: Luân Văn T, sinh năm 2004, Luân Văn B, sinh năm 2007. Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

5. Bị cáo **Hoàng Văn T1**, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1991 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1956 (đã chết). Con bà: Tô Thị X, sinh năm 1954. Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1996. Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là thứ 05. Tiền án: Không. Tiền sự: 01. Ngày 21/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Ngày 03/4/2020 chấp hành xong. Đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (chưa được xóa tiền sự). Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 17/01/2022 đến nay. Có mặt.

6. Bị cáo **Lý Văn T2**, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1988 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 10/12. Con ông: Lý Văn T, sinh năm 1965 (đã chết). Con bà: Luân Thị H, sinh năm 1959. Vợ: Nông Thị T, sinh năm 1987. Con: Lý Thúy V, sinh năm 2017, Lý Hải N, sinh năm 2019. Anh chị em ruột: Không có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Hình phạt bổ sung 5.000.000đ, án phí 200.000đ. Ngày 09/7/2015 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 28/9/2015 chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí. Đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Gia từ ngày 25/11/2021 đến nay. Có mặt.

7. Bị cáo **Hoàng Văn T3**, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1988 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 4/12. Con ông: Hoàng Văn L, sinh năm 1959. Con bà: Hứa Thị B, sinh năm 1961. Vợ: Luân Thị T, sinh năm 1992. Con: Hoàng Bích V, sinh năm 2011, Hoàng Lâm V, sinh năm 2014. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ 04. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh từ ngày 21/01/2022 đến nay. Có mặt.

8. Bị cáo **Sầm Văn H**, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1997 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 5/12. Con ông: Sầm Văn Đ, sinh năm 1977. Con bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1979. Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

9. Bị cáo **Luân Văn K**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1979 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông: Luân Văn T, sinh năm 1957 (đã chết). Con bà: Nông Thị P, sinh năm 1957. Trú tại: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vợ: Nông Thị H, sinh năm 1980. Con: Luân Trọng K, sinh năm 2004. Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án: Không. Tiền sự: 01. Ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Ngày 19/5/2020 chấp hành xong. Đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (chưa được xóa tiền sự). Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Gia từ ngày 25/11/2021 đến nay. Có mặt.

10. Bị cáo **Hoàng Văn I**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1987 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 7/12. Con ông: Hoàng Văn D, sinh năm 1962. Con bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1963. Vợ: Luân Thị T, sinh năm 1989. Con: Hoàng Việt H, sinh năm 2008, Hoàng Ngọc H, sinh năm 2011. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

11. Bị cáo **Luân Văn T4**, sinh ngày ngày 02 tháng 01 năm 1970 tại: Bình Gia, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 10/12. Con ông: Luân Văn M, sinh năm 1931 (đã chết). Con bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1935 (đã chết). Vợ: Lương Thị P, sinh năm 1969. Con: Lương Văn C, sinh năm 1990, Lương Thị T, sinh năm 1992. Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là thứ 03. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

12. Bị cáo **Luân Văn C2**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1976 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông: Luân Văn M, sinh năm 1931 (đã chết). Con bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1935 (đã chết). Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1980. Con: Luân Việt H, sinh năm 2002, Luân Thị H, sinh năm 2009. Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là thứ 06. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

13. Bị cáo **Hoàng Văn B**, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1985 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Hoàng Văn H, sinh năm 1965 Con bà: Công Thị D, sinh năm 1965. Vợ: Công Thị T, sinh năm 1992. Con: Hoàng Long N, sinh năm 2014. Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

14. Bị cáo **Luân Văn L**, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1998 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Luân Văn P, sinh năm 1965. Con bà: Hoàng Thị K, sinh năm 1967. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ 04. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

15. Bị cáo **Luân Văn H2**, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1987 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đã đình chỉ sinh hoạt). Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Luân Văn T, sinh năm 1966. Con bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1966. Vợ: Triệu Thị T, sinh năm 1993. Con: Luân Thế H, sinh năm 2014. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

16. Bị cáo **Nông Văn K**, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1999 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Nông Văn C, sinh năm 1974. Con bà: Lý Thị X, sinh năm 1975. Vợ: Lý Thị N, sinh năm 2001. Con: Nông Ánh T, sinh năm 2021. Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

17. Bị cáo **Nông Quang V**, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1960 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ II, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trình độ văn hóa: 4/10. Con ông: Nông Văn P, sinh năm 1930 (đã chết). Con bà: Lăng Thị N, sinh năm 1932 (đã chết). Vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1965. Con: Nông Văn T, sinh năm 1994. Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là thứ 04. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Bị cáo **Lương Văn H3**, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1993 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Lý Văn C, sinh năm 1971 (đã chết). Con bà: Lương Thị O, sinh năm 1970. Vợ: Vi Thị Tr, sinh năm 1994. Con: Lương Thị Thùy T, sinh năm 2014, Lương Thái B, sinh năm 2017. Cùng trú tại: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/11/2021 đến nay. Có mặt.

19. Bị cáo **Lương Văn C3**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: Lương Văn L, sinh năm 1971. Con bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1974. Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 19/5/2021, Công an xã H, huyện Bình Gia xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc. Ngày 19/5/2021 đã chấp hành xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2021 đến nay. Có mặt.

20. Bị cáo **Lương Văn H4**, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1984 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 5/12. Con ông: Lương Văn Đ, sinh năm 1964. Con bà: Hoàng Thị N, sinh năm 1962. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983. Con: Lương Thị H, sinh năm 2003, Lương Văn H, sinh năm 2005. Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 19/5/2021, Công an xã H, huyện Bình Gia xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc. Ngày 19/5/2021 đã chấp hành xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2021 đến nay. Có mặt.

21. Bị cáo **Luân Văn H5**, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1992 tại: B, Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Giới tính: Nam; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Luân Văn T, sinh năm 1966. Con bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1966. Vợ: Hoàng Thị M, sinh năm 1995. Con: Luân Thế Hiển, sinh năm 2012, Luân Thế L, sinh năm 2019. Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ 03. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 11/11/2019, Công an huyện Bình Gia quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000đ về hành vi mua số lô, số đề. Ngày 12/11/2019 đã chấp hành xong. Đến ngày phạm tội đã hết thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm

hành chính (đã xóa tiền sự). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2022 đến nay. Có mặt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Lý Văn T2: Ông Hoàng N - Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nông Văn Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Luân Văn S, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

2. Anh Hoàng Văn I1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

3. Anh Lộc Văn L1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

4. Anh Luân Văn K1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

5. Anh Nông Văn Đ1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

6. Anh Luân Đức G, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

7. Anh Công Văn H6, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 13/11/2021, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Công an huyện Bình Gia phối hợp với Công an xã H, huyện Bình Gia tiến hành kiểm tra phát hiện tại bãi đất trống cạnh nhà ở của anh Nông Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có nhiều đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Các đối tượng bị lập biên bản vụ việc gồm: Hoàng Văn T1; Hoàng Văn P; Lý Văn T2; Hoàng Văn T3, cùng trú tại thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tạm giữ trên chiếu bạc số tiền: 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị hình vuông bằng tre một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng. Tạm giữ trên người Hoàng Văn T1 1.408.000đ (một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động; Hoàng Văn T3 710.000đ (bảy trăm mười nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động; Lý Văn T2 1.150.000đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động; Hoàng Văn P 727.000đ (bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động. Ngoài ra còn một số đối tượng khác bỏ chạy hoặc đi về trước. Sau đó Cơ

quan điều tra đã triệu tập và làm rõ thêm các đối tượng tham gia đánh bạc như sau: Đàm Văn H; Luân Văn C, Luân Văn K; Hoàng Văn I, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Luân Văn H5; Hoàng Văn T; Sầm Văn H, Luân Văn T4, Lương Văn H3; Nông Quang V.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận quá trình tham gia đánh bạc như sau: Khoảng 19 giờ ngày 13/11/2021, sau khi ăn cơm và uống rượu mừng nhà mới tại nhà anh Nông Văn Đ, do thấy có người nói đánh bạc (không xác định được ai) nên Luân Văn K ra trước sân nhà anh Đ bẻ một đoạn cây bằng cây tre đưa cho Đàm Văn H bảo H làm quân vị để đánh bạc. H cầm đoạn cây tre đến bếp nhà anh Đ dùng dao chặt làm bốn quân vị hình vuông, dùng bút bi màu đỏ tô một mặt quân vị thành màu đỏ, một mặt giữ nguyên màu trắng. Làm quân vị xong H đưa cho K, K cầm lấy quân vị và đi đến bếp nhà anh Đ lấy một bát con, một đĩa bằng sứ màu trắng đến vị trí sân sau nhà anh Đ gần tà ly dương ngồi xuống vỏ bao xi măng kích thước 70 x 47 cm màu ghi, cho bốn quân vị đặt lên trên đĩa, úp bát xuống xóc cho mọi người đánh bạc (*gọi là chiếu bạc thứ nhất*). Những người tham gia đánh bạc ban đầu gồm: Luân Văn K, Luân Văn L, Nông Văn K, Luân Văn H2, Luân Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn I, Lương Văn H3 và Sầm Văn H. K cầm cái xóc đĩa cho mọi người đánh bạc được khoảng 20 phút thì Đàm Văn H đến tham gia đánh bạc và thay K cầm cái. Lúc này có thêm Lý Văn T2, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn T1, Nông Quang V tham gia đánh bạc. H cầm cái được khoảng 01 (một) tiếng thì chuyển cho Lý Văn T2 cầm cái, được khoảng 10 phút sau H lại tiếp tục cầm cái được khoảng 20 phút thì H lại chuyển cái cho Hoàng Văn T1. Những người đến tham gia đánh bạc tiếp theo gồm: Hoàng Văn T, Luân Văn C2, Luân Văn T4, Hoàng Văn B và Luân Văn H5.

Hình thức đánh bạc là xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Quy định bên trái người cầm cái là cửa chắn, bên phải người cầm cái là cửa lẻ. Cửa lẻ là ba quân vị cùng màu đỏ, một quân vị màu trắng và ngược lại; cửa chắn là bốn quân vị trùng màu hoặc hai quân vị màu trắng, hai quân vị màu đỏ. Sau khi người cầm cái cầm bát đĩa xóc xong đặt xuống thì mọi người tự do đặt cược ở cửa chắn hay lẻ tùy ý, người cầm cái cũng tham gia đặt cửa. Đặt tiền xong người cầm cái mở bát hoặc một trong số những người tham gia đánh bạc mở bát. Người cầm cái kiểm soát số tiền thắng thua của người chơi. Người đặt cược trùng với kết quả trên đĩa thì thắng được gấp đôi số tiền đặt cược trước đó. Người đặt cược ở cửa không trùng với kết quả trên đĩa thì thua cược và mất toàn bộ số tiền đặt cược. Lúc này người cầm cái hoặc người “mua cái” lấy tiền của người thua cược để trả cho người thắng cược. Nếu số tiền của người thua cược không đủ trả cho người thắng cược thì người cầm cái hoặc người “mua cái” phải bỏ tiền của mình ra để bù cho người thắng cược. Trường hợp tổng số tiền của người thua cược trả cho người thắng cược còn thừa thì người cầm cái hoặc người “mua cái” được hưởng số tiền đó. Nếu số tiền cược của hai bên chắn lẻ có sự chênh lệch lớn, người cầm cái cảm thấy không đủ tiền bù cho người thắng cược thì sẽ bán số tiền cược của ván đó cho người khác. Người nhận số tiền cược đó gọi là người “mua cái”. Tuy nhiên quá trình điều tra

không xác định được ai là người “mua cái”. Kết thúc ván đánh người cầm cái tiếp tục xóc đĩa cho mọi người đánh ván tiếp theo.

Các bị cáo đặt cược mỗi ván từ 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng). Quá trình đánh bạc ban đầu Luân Văn K dùng đèn pin để soi phục vụ đánh bạc, sau đó do đèn của K không đủ ánh sáng thì Hoàng Văn T3 dùng đèn điện thoại soi sáng phục vụ đánh bạc.

Kết quả điều tra chứng minh được các đối tượng sử dụng số tiền để đánh bạc ở chiếu bạc trên và các bị cáo khai nhận thắng thua như sau:

- Đàm Văn H sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) đánh bạc, thắng được 100.000đ (một trăm nghìn đồng), đã sử dụng 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng) chi tiêu cá nhân, giao nộp 90.000đ (chín mươi nghìn đồng) cho Cơ quan điều tra.

- Hoàng Văn T sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đánh bạc, thắng được 10.000đ (mười nghìn đồng), đã giao nộp 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng).

- Hoàng Văn P sử dụng 750.00đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), thua 23.000đ (hai mươi ba nghìn đồng), bị tạm giữ 727.000đ (bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

- Luân Văn C sử dụng 112.000đ (một trăm mười hai nghìn đồng), không thắng không thua, đã giao nộp 112.000đ (một trăm mười hai nghìn đồng).

- Hoàng Văn T1 mang theo 808.000đ (tám trăm linh tám nghìn đồng), ban đầu sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), thắng được thêm 600.000 (sáu trăm nghìn đồng), lúc bị phát hiện lập biên bản trên người có 1.408.000đ (một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng) và vẫn tiếp tục sử dụng toàn bộ để đánh bạc nếu không bị phát hiện, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền trên.

- Lý Văn T2 sử dụng 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) đánh bạc, thua 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị tạm giữ 1.150.000đ (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàng Văn T3 mang theo 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), sử dụng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đánh bạc, thua 90.000đ (chín mươi nghìn đồng), bị tạm giữ 710.000đ (bảy trăm mười nghìn đồng), trong đó 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) không sử dụng để đánh bạc.

- Sầm Văn H sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và thua hết, tuy nhiên đã giao nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để phục vụ công tác điều tra.

- Luân Văn K sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), thua 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), đã giao nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc và thua hết, bao gồm: Hoàng Văn I sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Luân Văn T4 sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Nông Quang V sử dụng 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), Hoàng Văn B sử dụng 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng), Luân Văn L

sử dụng 80.000đ (tám mươi nghìn đồng), Luân Văn C2 sử dụng 40.000đ (bốn mươi nghìn đồng), Luân Văn H2 sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng), Nông Văn K sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng), Lương Văn H3 sử dụng 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng), Luân Văn H5 sử dụng 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền chứng minh được các bị cáo sử dụng để đánh bạc tại chiếu bạc trên là: **5.860.000đ** (năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền đã tạm giữ trên người các bị cáo và các bị cáo tự nguyện giao nộp là: 4.757.000đ (bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: 4.057.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng) là số tiền sử dụng để đánh bạc và 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) không sử dụng để đánh bạc. Số tiền thu trên chiếu bạc là 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền sử dụng để đánh bạc đang tạm giữ là: 4.607.000đ (bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng). Số tiền còn lại do trong quá trình lập biên bản các đối tượng bỏ chạy đã thất thoát, Cơ quan điều tra đã tiến hành biện pháp truy tìm nhưng không thu hồi được.

Cách vị trí chiếu bạc thứ nhất 9,5 m gần cổng nhà anh Nông Văn Đ có thêm một chiếu bạc do Luân Văn S, sinh năm 1992, trú tại thôn V, xã H, huyện B cầm cái xóc đĩa cho mọi người đánh bạc (gọi tắt là chiếu bạc thứ hai), xác định được 12 (mười hai) người tham gia đánh ở chiếu bạc trên, trong đó Lý Văn T2, Hoàng Văn B, Luân Văn H5 tham gia đánh ở cả hai chiếu bạc. Những người tham gia và số tiền chứng minh được sử dụng để đánh bạc và thắng thua cụ thể như sau: Luân Văn S sử dụng 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng) và thua hết; Lý Văn T2 sử dụng 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) không thắng không thua; Hoàng Văn B sử dụng 80.000đ (tám mươi nghìn đồng), thắng 170.000đ (bảy mươi nghìn đồng); Luân Văn H5 sử dụng 98.000đ (chín mươi tám nghìn đồng), thắng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); Hoàng Văn I1, sinh năm 1986, trú tại thôn V, xã H, huyện B sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và thua hết; Lộc Văn L1, sinh năm 1979, trú tại thôn V, xã H, huyện B sử dụng 130.000đ (một trăm ba mươi nghìn đồng) và thua hết; Luân Văn K1, sinh năm 1983, trú tại thôn V, xã H, huyện B sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và thua hết; Nông Văn Đ1, sinh năm 1980, trú tại thôn V, xã H, huyện B sử dụng 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và thua hết; Luân Đức G, sinh năm 1978, trú tại thôn V, xã H, huyện B sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và thua hết; Lương Văn H4, sinh năm 1984, trú tại thôn Đ I, xã H, huyện B sử dụng 112.000đ (một trăm mười hai nghìn đồng) và thua hết; Lương Văn C3, sinh năm 1992, trú tại thôn Đ I, xã H, huyện B sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), thua 100.000đ (một trăm nghìn đồng); Công Văn H3, sinh năm 1989, trú tại thôn B, xã H, huyện B sử dụng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và thua hết. Chiếu bạc trên đánh đến khi Luân Văn H5 cầm cái thì xảy ra cãi nhau, H5 đã cầm bát đĩa vút xuống khe dưới nhà anh Đ, chiếu bạc giải tán trước khi lực lượng Công an đến lập biên bản vụ việc. Tổng số tiền chứng minh các đối tượng sử dụng để đánh bạc ở chiếu bạc thứ hai là: 2.090.000đ (hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Sau khi chiếu bạc trên giải tán thì Luân Văn H5, Lý Văn T2 và Hoàng Văn B lại đến tham gia đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất. Đối với Lý Văn T2 ban đầu sử dụng 200.000đ để đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất và thua hết. Sau đó T2 mượn của Lương Văn C3 số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) đến chiếu bạc thứ hai đánh đến khi giải tán nhưng không thắng không thua. Thu mượn thêm 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của Luân Văn H5 rồi đến chiếu bạc thứ nhất tiếp tục đánh bạc đến khi bị lập biên bản.

Đối với Lương Văn H4 và Lương Văn C3 tham gia đánh bạc ở chiếu bạc thứ hai, kết quả xác minh xác định: Ngày 19/5/2021 bị Công an xã H, huyện Bình Gia xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi đánh bạc, cùng ngày đã chấp hành xong tiền phạt. Đến ngày 13/11/2021 chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (chưa được xóa tiền sự).

Ngày 23/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Gia quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đàm Văn H, Hoàng Văn T1, Lý Văn T2, Hoàng Văn T3, Luân Văn K; quyết định khởi tố bị can, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Hoàng Văn T, Hoàng Văn P, Luân Văn C, Sầm Văn H, Hoàng Văn I, Luân Văn T4, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Nông Quang V, Lương Văn H3, về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngày 16/12/2021, quyết định khởi tố bị can, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Lương Văn C3, Lương Văn H4; ngày 13/01/2022, quyết định khởi tố bị can, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Luân Văn H5 về tội danh nêu trên.

Thời điểm các đối tượng đánh bạc, anh Nông Văn Đ và gia đình do bận tiếp khách nên không biết các đối tượng đánh bạc. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Ngày 30/11/2021, Cơ quan điều tra tiến hành xác định lại hiện trường vụ án. Anh Nông Văn Đ đã phát hiện và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng do Luân Văn Hành ném đi khi cầm cái xóc đĩa tại chiếu bạc thứ hai. Tình trạng bát bị vỡ thành nhiều mảnh.

Các đối tượng Luân Văn S, Hoàng Văn I1, Lộc Văn L1, Luân Văn K1, Nông Văn Đ1, Luân Văn G, Công Văn H6 có hành vi đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện Bình Gia đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền các đối tượng trên.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-BG ngày 23/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Đàm Văn H, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T3, Lý Văn T2, Luân Văn C, Luân Văn K, Hoàng Văn I, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Hoàng Văn T, Sầm Văn H, Luân Văn T4, Lương Văn H3, Nông Quang V, Lương Văn C3, Lương Văn H4, Luân Văn H5 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; 38; 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 58 BLHS xử phạt bị cáo Luân Văn K, Lý Văn T2 từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; 38; 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 54; 58 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 từ 04 đến 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giam là 01 tháng 24 ngày.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 58; 65 BLHS xử phạt bị cáo Đàm Văn H từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo luật định. Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 BLHS xử phạt các bị cáo Lương Văn C3, Lương Văn H4, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T3, Luân Văn H5 từ 07 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo; Hoàng Văn T, Sầm Văn H, Hoàng Văn I, Hoàng Văn B, Luân Văn T4 từ 06 tháng đến 07 tháng tù cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 36, 50, 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt các bị cáo Luân Văn C, Luân Văn C2, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Nông Quang V, Lương Văn H3 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo, cải tạo không giam giữ cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo do các bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhiều bị cáo thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, không có điều kiện thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX tuyên: Tịch thu tiêu hủy 02 bộ dụng cụ dùng để đánh bạc; 01 vỏ bao xi măng; 01 đèn pin của bị cáo Luân Văn K. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.607.000đ. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo Hoàng Văn T3. Trả lại cho bị cáo Sầm Văn H 200.000đ, cho bị cáo Hoàng Văn T3 500.000đ, cho các bị cáo Hoàng Văn T1, Hoàng Văn P, Lý Văn T2 mỗi bị cáo 01 điện thoại di động. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước 110.000đ của bị cáo Đàm Văn H, 100.000đ của bị cáo Lương Văn C3, 500.000đ của bị cáo Luân Văn H5. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia truy tố là đúng người, đúng tội, không oan, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Luật sư bào chữa cho bị cáo Lý Văn T2 phát biểu tranh luận nhất trí với đề nghị về tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, xử phạt 07 tháng

tù đối với bị cáo Lý Văn T2. Lời nói sau cùng các bị cáo rất ăn năn hối cải, do vậy xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo Nông Quang V, ngày 24/5/2022 bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bị ốm không thể tham gia phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của bị cáo không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội, chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bản vụ việc cùng các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ, cụ thể: Khoảng 19 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 13/11/2021, tại bãi đất trống cạnh nhà ở của anh Nông Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ I, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo gồm: Luân Văn K, Đàm Văn H, Luân Văn L, Nông Văn K, Luân Văn H2, Luân Văn C, Hoàng Văn P, Hoàng Văn I, Lương Văn H3, Sầm Văn H, Lý Văn T2, Hoàng Văn T3, Hoàng Văn T1, Nông Quang V, Hoàng Văn T, Luân Văn C2, Luân Văn T4, Hoàng Văn B, Luân Văn H5, Lương Văn H4, Lương Văn C3 tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thu trên chiếu bạc số tiền 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền chứng minh được các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.860.000đ (năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), các bị cáo đều khai nhận đây là số tiền dùng để đánh bạc nên có đủ căn cứ xác định đây chính là số tiền do các đối tượng sử dụng để đánh bạc; 01 (một) bộ dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 01 (một) bát con bằng sứ, 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị hình vuông bằng tre một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng; 01 (một) vỏ bao xi măng kích thước 70x47cm, màu ghi; 01 (một) bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng (tình trạng bát bị vỡ thành nhiều mảnh) là các vật chứng thu giữ được khi cơ quan Công an bắt quả tang và các bị cáo đều thừa nhận là dụng cụ dùng để đánh bạc nên có căn cứ xác định đây là vật chứng mà các bị cáo dùng để đánh bạc.

[4] Trong vụ án trên, ban đầu các bị cáo đến ăn cỗ mừng nhà mới. Sau khi ăn cỗ xong mới phát sinh việc đánh bạc, có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng không thuộc trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, tự phát không có người tổ chức, không có người chuẩn bị công cụ trước. Không có

ai thu tiền hồ, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Hình thức đánh bạc là xóc đĩa, ngoài ra không có hình thức nào khác. Bị cáo Luân Văn K, Đàm Văn H là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc. Luân Văn K, Đàm Văn H, Lý Văn T2 và Hoàng Văn T1 là người thay nhau cầm cái. Luân Văn K và Hoàng Văn T3 sử dụng đèn pin và điện thoại soi sáng phục vụ đánh bạc. Việc chuẩn bị dụng cụ, cầm cái, soi sáng đánh bạc không nhằm mục đích hưởng lợi, quá trình đánh bạc không ai thu tiền địa điểm. Do đó, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc.

[5] Các đối tượng Luân Văn S, Hoàng Văn I1, Lộc Văn L1, Luân Văn K1, Nông Văn Đ1, Luân Văn G, Công Văn H6 có hành vi đánh bạc nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện Bình Gia đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền các đối tượng trên. Do vậy, Tòa án không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng trên và đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

[6] Đối với anh Nông Văn Đ, thời điểm các đối tượng đánh bạc, anh Nông Văn Đ và gia đình do bận tiếp khách nên không biết các đối tượng đánh bạc. Do vậy, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh.

[7] Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người đã thành niên, hoàn toàn nhận biết được hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nhưng vẫn cố ý thực hiện. Với số tiền đánh bạc là 5.860.000đ (năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Lý Văn T2 có nhân thân xấu: Ngày 15/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Bị cáo Luân Văn K có 01 tiền sự: Ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Bị cáo Hoàng Văn T1 có 01 tiền sự: Ngày 21/6/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Đối với bị cáo Lương Văn C3, Lương Văn H4: Ngày 19/5/2021, Công an xã H, huyện Bình Gia xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc, đã sử dụng làm tình tiết định tội. Bị cáo Luân Văn H5: Ngày 11/11/2019, Công an huyện Bình Gia quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000đ về hành vi mua số lô, số đề.

Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

[9] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tất cả các bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Các bị cáo Đàm Văn H, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T3, Luân Văn C, Luân Văn K, Hoàng Văn I, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Hoàng Văn T, Sầm Văn H, Luân Văn T4, Lương Văn H3, Nông Quang V, Lương Văn C3, Lương Văn H4, Luân Văn H5 (trừ bị cáo Lý Văn T2) được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Các bị cáo Hoàng Văn T1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T3, Lý Văn T2, Luân Văn C, Luân Văn K, Hoàng Văn I, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Hoàng Văn T, Sầm Văn H, Luân Văn T4, Lương Văn H3, Nông Quang V, Lương Văn C3, Lương Văn H4, Luân Văn H5 (trừ bị cáo Đàm Văn H) được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Hoàng Văn T1 được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đang mắc bệnh thoát hóa đốt sống - đĩa đệm cột sống thắt lưng, thoát vị đĩa đệm, teo chân, có mẹ là người có công với cách mạng (tham gia dân công hỏa tuyến).

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Xem xét, đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo thấy:

Đối với bị cáo Luân Văn K là người chuẩn bị dụng cụ đánh bạc, cầm cái, sử dụng đèn pin và điện thoại soi sáng phục vụ đánh bạc, sử dụng 200.000 đồng. Bị cáo Lý Văn T2 là người cầm cái, tham gia đánh ở cả hai chiều bạc, sử dụng 1.400.000 đồng. Bị cáo Hoàng Văn T1 cầm cái, sử dụng 1.408.000 đồng. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định.

Đối với các bị cáo Lương Văn C3, Lương Văn H4 đều có 01 tiền sự, bị cáo Luân Văn H5 có nhân thân xấu. Do vậy cũng cần xử với một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn T, Hoàng Văn T3, Sầm Văn H, Hoàng Văn I, Luân Văn T4, Hoàng Văn B chỉ tham gia đánh bạc đơn thuần. Đối với bị cáo Đàm Văn H là người chuẩn bị dụng cụ cùng với bị cáo Luân Văn K và là người cầm cái xóc đĩa cho các bị cáo đánh bạc. Tuy nhiên xét việc chuẩn bị dụng cụ, cầm cái không phải vì mục đích lợi nhuận, do vậy cũng cần xử với một mức án phù hợp, các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, qua xác minh ở địa phương luôn chấp hành tốt mọi quy định của pháp luật nên không nhất thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên cần phải xử các bị cáo với một mức án cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Nông Văn K, Luân Văn C2, Luân Văn L, Nông Quang V, Luân Văn C, Luân Văn H2, Lương Văn H3 chỉ là đồng phạm thứ yếu, tham gia đánh bạc đơn thuần không rủ rê, lôi kéo, số tiền đem theo để đánh bạc không lớn nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

[11] Về hình phạt: Từ những nhận định đánh giá trên, căn cứ khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tương xứng với hành vi, vai trò mức độ phạm tội của từng bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ

một phần hình phạt đối với các bị cáo lần đầu nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, có sự ăn năn hối cải để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với các bị cáo Lý Văn T2 có nhân thân xấu, các bị cáo Luân Văn K, Hoàng Văn T1 đều có 01 tiền sự, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục hành vi phạm tội. Do vậy cần thiết phải phạt tù giam để các bị cáo cải tạo sau này trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật.

Đối với các bị cáo Lương Văn C3, Lương Văn H4 đều có 01 tiền sự, bị cáo Luân Văn H5 nhân thân xấu, lẽ ra cũng cần xử với mức án tù giam để các bị cáo lấy đó làm bài học. Tuy nhiên xét thấy để cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục cá bị cáo trở thành công dân tốt. Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn T, Đàm Văn H, Hoàng Văn T3, Sầm Văn H, Hoàng Văn I, Luân Văn T4, Hoàng Văn B chỉ tham gia đánh bạc đơn thuần do háo hức, đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên cần xử phạt ở mức thấp và tùy vào mức độ phạm tội của từng bị cáo. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, các bị cáo trên có đủ điều kiện, không cần bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Luân Văn C, Luân Văn H2, Lương Văn H3, Nông Văn K, Luân Văn C2, Luân Văn L, Nông Quang V có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, áp dụng khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo do các bị cáo đều sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đánh bạc đều có mục đích, động cơ vụ lợi, lẽ ra phải buộc các bị cáo nộp một khoản tiền sung quỹ Nhà nước theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định, không có tài sản để bảo đảm việc thi hành án phạt tiền, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo là có căn cứ.

[13] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các

vật dụng, dụng cụ dùng để đánh bạc; tịch thu để hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động của bị cáo Hoàng Văn T3 sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tịch thu số tiền liên quan đến việc đánh bạc 4.607.000đ (bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 03 chiếc điện thoại di động của các bị cáo Hoàng Văn T1, Lý Văn T2, Hoàng Văn P do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo là chủ sở hữu. Truy thu số tiền 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng) của bị cáo Đàm Văn H là số tiền thắng cược bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết, 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của bị cáo Lương Văn C3 sử dụng để đánh bạc và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Luân Văn H5 là số tiền do đánh bạc mà có. Nhà nước. Trả lại bị cáo Hoàng Văn T3 số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và bị cáo Sầm Văn H số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

[14] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

[15] Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đều nhận tội như Cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

[16] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[17] Quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt của người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T2 cũng có căn cứ và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn H, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T3, Lý Văn T2, Luân Văn C, Luân Văn K, Hoàng Văn I, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Hoàng Văn T, Sầm Văn H, Luân Văn T4, Lương Văn H3, Nông Quang V, Lương Văn C3, Lương Văn H4, Luân Văn H5 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Luân Văn K**

07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (25/11/2021).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lý Văn T2** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (25/11/2021).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T1** 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam là 01 (một) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày. Thời hạn tù còn lại 02 tháng 06 ngày.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Lương Văn C3** 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Lương Văn H4** 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Luân Văn H5** 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn P** 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 06 (sáu)

tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Đàm Văn H** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T3** 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Sầm Văn H** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn I** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Luân Văn T4** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo **Hoàng Văn B** 06 (sáu)

tháng tù, cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/5/2022.

Giao các bị cáo Lương Văn C3, Lương Văn H4, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T, Hoàng Văn T3, Sầm Văn H, Hoàng Văn I, Luân Văn T4, Hoàng Văn B, Lương Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đàm Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Văn K** 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Luân Văn C2** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Luân Văn L** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Quang V** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Luân Văn C** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Luân Văn H2** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn H3** 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao các bị cáo Nông Văn K, Luân Văn C2, Luân Văn L, Nông Quang V, Luân Văn H5, Luân Văn H2, Lương Văn H3 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T3 số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) không sử dụng để đánh bạc được niêm phong trong phong bì số 03 bên trong chứa 710.000đ (bảy trăm mười nghìn đồng) thu trên người Hoàng Văn T3.

- Trả lại bị cáo Sầm Văn H số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) không sử dụng để đánh bạc được niêm phong trong phong bì số 10 bên trong chứa 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) do Sầm Văn H giao nộp.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4.607.000đ (bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì số 09 (chín) phong bì thư có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia trên giáp lai phong bì, trong đó: Phong bì số 01 bên trong chứa 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) thu trên chiếu bạc; Phong bì số 02 bên trong chứa 1.408.000đ (một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng) thu trên người Hoàng Văn T1; Số tiền 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng) trong Phong bì số 03 thu trên người Hoàng Văn T3; Phong bì số 04 bên trong chứa 727.000đ (bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) thu trên người Hoàng Văn P; Phong bì số 05 chứa 1.150.000đ (một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) thu trên người Lý Văn T2; Phong bì số 06 bên trong chứa 112.000đ (một trăm mười hai nghìn) do Luân Văn C giao nộp; Phong bì số 07 bên trong chứa 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do Luân Văn K giao nộp; Phong bì số 08 bên trong chứa 90.000đ (chín mươi nghìn đồng) do Đàm Văn H giao nộp; Phong bì số 09 bên trong chứa 210.000đ (hai trăm mười nghìn đồng) do Hoàng Văn T giao nộp.

- Truy thu số tiền 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng) của bị cáo Đàm Văn H; 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của bị cáo Lương Văn C3; 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Luân Văn H5 để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 01 (một) bát con bằng sứ, 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị hình vuông bằng tre một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng; 01 (một) vỏ bao xi măng kích thước 70x47 cm, màu ghi; 01 (một) đèn pin màu đen (dạng đèn đội đầu) có quai màu đen của bị cáo Luân Văn K; 01 (một) bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng (tình trạng bát bị vỡ thành nhiều mảnh) do anh Nông Văn Đ giao nộp.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màn hình cảm ứng màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn T2 01 (một) điện thoại di động bàn phím màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màn hình cảm ứng màu đỏ đen.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/3/2022.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đàm Văn H, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn T3, Lý Văn T2, Luân Văn C, Luân Văn K, Hoàng Văn I, Luân Văn C2, Hoàng Văn B, Luân Văn L, Luân Văn H2, Nông Văn K, Hoàng Văn T, Sầm Văn H, Luân Văn T4, Lương Văn H3, Nông Quang V, Lương Văn C3, Lương Văn H4, Luân Văn H5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Công an huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Khi